

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**
Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Lợi Ê Ban và ông R Mah In (Ama Ka).

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk: Ông Lê Trọng Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐHPT - HNGĐ ngày 12/9/2025 , giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: [Lê Thị T](#), sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị Đơn:** [Lê Văn Đ](#), sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đồng trú tại: [Thôn I, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nay là Thôn I, xã H, Đắk Lắk](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và các biên bản làm việc tại Toà án, chị [Lê Thị T](#) trình bày:

Về hôn nhân : Tôi và anh [Lê Văn Đ](#) tự nguyện kết hôn với nhau, chúng tôi đã đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang](#) nay là [UBND xã H](#), tỉnh An Giang vào năm 2009.

Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do anh [Đ](#) chơi bời, nợ nần không lo tu chí làm ăn. Hôn nhân không có hạnh phúc, chúng tôi đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau. Tôi cũng đã làm đơn xin ly hôn với anh [Đ](#) vào thời gian khoảng đầu năm 2025 nhưng rồi lại rút đơn xin ly hôn vì muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng đến nay thì không thể níu kéo được nữa. Nhận thấy, không thể hàn gắn để duy trì hạnh phúc gia đình. Vì vậy, tôi đề nghị Toà án nhân dân Krông Bông, Đắk Lắk nay là Toà án nhân dân Khu vực 6, Đắk Lắk giải quyết cho tôi được ly hôn với anh [Lê Văn Đ](#).

Về con chung: Tôi và anh D có 03 người con chung là Lê Anh D sinh ngày 19/6/2010; Lê Anh M, sinh ngày 11/3/2019 và Lê Anh T1 sinh ngày 06/01/2021. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 người con chung là Lê Anh D, Lê Anh M và Lê Anh T1 đến lúc trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T tự nguyện chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 19/9/2025, anh Lê Văn Đ trình bày: Tôi và chị Lê Thị T tự nguyện kết hôn với nhau, chúng tôi đã đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, gần đây vợ chồng tôi không chung sống cùng nhau vì tôi nhận thấy chị Lê Thị T đã có hành vi ngoại tình với người khác làm gia đình tan vỡ, nay chị T làm đơn xin ly hôn với tôi, tôi không đồng ý.

Về con chung: Tôi và chị T có 03 người con chung nhưng tôi nghi ngờ 02 người con sau không phải con của tôi. Khi nào vợ, chồng tôi rõ ràng về 03 đứa con này thì tôi mới đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Khi nào chúng tôi rõ ràng về tài sản chung thì chúng tôi sẽ ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 01/7/2025, con chung là Lê Anh D trình bày: Khi bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 05/9/2025, Công an xã H, Đắc Lắc cho biết: Công dân Lê Văn Đ, sinh năm: 1984 có Hộ khẩu thường trú tại thôn I, H, Đắc Lắc. Hiện nay, không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì.

Tại biên bản xác minh ngày 05/9/2025, Bí thư chi bộ thôn I, Hòa S cho biết: Anh Lê Văn Đ có đăng ký thường trú tại Thôn I, xã H, Đắc Lắc. Hiện nay, anh Lê Văn Đ đi làm ăn xa không có mặt ở nhà. Về mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh Đ là do nợ nần. Anh Lê Văn Đ bỏ nhà đi từ khoảng 3 đến 4 năm nay rồi. Dạo gần đây, anh Đ có về nhà nhưng chỉ về ngày hôm nay thì ngày mai lại đi và về thì cũng không qua lại với vợ con.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đắc Lắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Chị [Lê Thị T](#) và anh [Lê Văn Đ](#) tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang](#) nay là [UBND xã H](#), tỉnh An Giang vào năm 2009. Do vậy, hôn nhân giữa chị [Lê Thị T](#) và anh [Lê Văn Đ](#) là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, do vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau, mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được. Do vậy, đã không chung sống cùng nhau từ lâu, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Hôn nhân không có hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị [Lê Thị T](#) đối với anh [Lê Văn Đ](#).

Về con chung: Chị [T](#) và anh [Đ](#) có 03 người con chung là [Lê Anh D](#) sinh ngày 19/6/2010; [Lê Anh M](#), sinh ngày 11/3/2019 và [Lê Anh T1](#) sinh ngày 06/01/2021. Khi ly hôn, chị [T](#) có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 người con chung là [Lê Anh D](#), [Lê Anh M](#) và [Lê Anh T1](#) đến lúc trưởng thành. Con chung là [Lê Anh D](#) có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Còn anh [Lê Văn Đ](#) thì nghi ngờ 02 người con sau là [Lê Anh M](#) và [Lê Anh T1](#) không phải con của anh với chị [T](#).

Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của những người con chưa thành niên, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 03 người con chung là [Lê Anh D](#) sinh ngày 19/6/2010; [Lê Anh M](#), sinh ngày 11/3/2019 và [Lê Anh T1](#) sinh ngày 06/01/2021 cho chị [Lê Thị T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Chị [Lê Thị T](#) yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh [Lê Văn Đ](#). Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại [Thôn I, xã H, huyện K, Đ nay là xã H, Đắc Lắc](#). Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đắc Lắc theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Về tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay, chị [Lê Thị T](#) và anh [Lê Văn Đ](#) có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 6 - [Đ](#) vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Về hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Chị [Lê Thị T](#) và anh [Lê Văn Đ](#) tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang](#) nay là [UBND](#)

[xã H](#), tỉnh An Giang vào năm 2009. Do vậy, hôn nhân giữa chị [Lê Thị T](#) và anh [Lê Văn Đ](#) là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, do vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau, mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được. Do vậy, đã không chung sống cùng nhau từ lâu, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Hôn nhân không có hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị [Lê Thị T](#) đối với anh [Lê Văn Đ](#).

Về con chung: Chị [T](#) và anh [Đ](#) có 03 người con chung là [Lê Anh D](#) sinh ngày 19/6/2010; [Lê Anh M](#), sinh ngày 11/3/2019 và [Lê Anh T1](#) sinh ngày 06/01/2021. Khi ly hôn, chị [T](#) có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 người con chung là [Lê Anh D](#), [Lê Anh M](#) và [Lê Anh T1](#) đến lúc trưởng thành. Con chung là [Lê Anh D](#) có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Còn anh [Lê Văn Đ](#) thì nghi ngờ 02 người con sau là [Lê Anh M](#) và [Lê Anh T1](#) không phải con của anh với chị [T](#).

Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của những người con chưa thành niên. Cần giao cả 03 người con chung là [Lê Anh D](#), sinh ngày 19/6/2010; [Lê Anh M](#), sinh ngày 11/3/2019 và [Lê Anh T1](#), sinh ngày 06/01/2021 cho chị [Lê Thị T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị [Lê Thị T](#) tự nguyện chịu trách nhiệm nộp án phí Hôn nhân và gia đình là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Lê Thị T](#) về việc xin ly hôn với anh [Lê Văn Đ](#).

Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2008 ngày 23/01/2009 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang nay là UBND xã H, tỉnh An Giang cấp cho chị [Lê Thị T](#) và anh [Lê Văn Đ](#) không còn hiệu lực pháp luật.

[2] *Về con chung:* Giao 03 người con chung chưa thành niên là [Lê Anh D](#), sinh ngày 19/6/2010; [Lê Anh M](#), sinh ngày 11/3/2019 và [Lê Anh T1](#), sinh ngày 06/01/2021 cho chị [Lê Thị T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con chung không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

[3] *Về án phí*: Chấp nhận việc chị [Lê Thị T](#) tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị [Lê Thị T](#) đã nộp tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 6 – Đắk Lắk theo biên lai số 0007461 ngày 16/6/2025.

[4] *Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Huế